TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 01 - 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự;
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 592/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐXXST-HN, ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Th,** sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Minh Tr**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Thị Th (Sau đây gọi chị Th) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Nguyễn Minh Tr (Sau đây gọi anh Tr) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã nhau, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đoàn tụ được nên đã sống ly thân từ đầu năm 2023. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Tr.

-Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Minh K (Nam), sinh ngày 02 tháng 11 năm 2021. Từ khi ly thân đến nay thì con do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, chị chưa yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Minh Tr có lời trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian ly thân. Về nguyên nhân mẫu thuẫn thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên cũng có khi cãi vã nhau nhưng không có gì là trầm trọng, do còn thương vợ con nên anh chưa đồng ý ly hôn, xin vợ bỏ qua các lỗi lầm không đáng có, anh cam kết sẽ khắc phục các lỗi lầm nhằm hoàn thiện bản thân để vợ chồng tiếp tục chung sống nuôi con.

Tại phiên tòa anh xác định: Nếu vợ anh cương quyến ly hôn thì anh yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, anh không còn ý kiến khác.

Giả sử phải ly hôn: Con chung anh tha thiết được nuôi con nhưng sợ rằng chăm sóc không tốt bằng vợ nên cũng đồng ý cho vợ nuôi, khi có tiền thì anh tiếp để nuôi con chung. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Tr qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, đến ngày 12 tháng 09 năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th: Chị và anh Tr trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để anh chị được đoàn tụ, anh Tr chưa đồng ý ly hôn, có đưa ra giải pháp để đoàn tụ nhưng không

được chị Th đồng ý. Trong khi tại phiên tòa, chị Th xác định là không còn tình cảm vợ chồng với anh Tr và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[4] Về con chung: Có một người con chung là Nguyễn Minh K. Anh, chị không tranh chấp về quyền nuôi con. Chị Th có yêu cầu được nuôi con chung, anh Tr cũng đồng ý giao cho chị Th nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu K cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị Th, anh Tr có yêu cầu khác.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Th chưa yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Tr mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về nợ và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Trần Thị Th và Nguyễn Minh Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K (Nam), sinh ngày 02 tháng 11 năm 2021 cho Trần Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị Th, anh Tr có yêu cầu khác.

Nguyễn Minh Tr chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Nguyễn Minh Tr mà không ai có quyền cản trở.

3. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006142, ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
-UBND xã H, h.PH, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm